

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST

Ngày 06-6-2025

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Đình Thành

Ông Mai Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2025/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã P, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Khắc D1, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Nơi đăng ký thường trú: Thôn H, xã P, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Nơi ở hiện nay: Khu phố 1, phường B, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/10/2024 và trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Bà D và ông D1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước vào ngày 27/12/2010, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 70/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng thuê phòng trọ ở tại khu phố 1, phường B, thị xã Phước Long, đến cuối năm 2024 thì bà D dẫn theo 02 con về sống cùng cha mẹ ruột tại thôn H, xã P, thị xã Phước Long cho đến nay. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến xô sát, nguyên nhân xuất phát từ quan điểm sống của hai bên quá khác biệt, không có tiếng nói chung về các mặt trong cuộc sống, vợ chồng không thể ngồi lại nói chuyện, tìm cách

giải quyết. Bà D nhận thấy tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông D1.

Về con chung: Bà D và ông D1 có hai con chung là Nguyễn Anh L – sinh ngày 07/6/2004 và Nguyễn Minh V, sinh ngày 22/10/2011. Trong quá trình chung sống cũng như trong thời gian không sống chung, con chung đều do bà D chăm sóc, nuôi dạy nên khi ly hôn, bà D yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu V. Đối với cháu L thì không yêu cầu giải quyết do cháu đã trưởng thành và có công việc ổn định.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 21/02/2025, bị đơn trình bày:

Ông D1 thống nhất với phần trình bày của bà D về việc vợ chồng tự nguyện về chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, về tình trạng hôn nhân cũng như nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng, có 02 con chung là Nguyễn Anh L – sinh ngày 07/6/2004 và Nguyễn Minh V, sinh ngày 22/10/2011.

Ông D1 không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà D vì cho rằng ông vẫn yêu thương vợ con, mong muốn gia đình đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, nếu bà D đồng ý giao cháu V cho ông nuôi dưỡng thì ông sẽ đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông D1 đề nghị giao cháu V cho ông trực tiếp nuôi dưỡng khi ly hôn, không yêu cầu giải quyết đối với cháu L do cháu đã trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn Nguyễn Ngọc D có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn và giải quyết về con chung với bị đơn Nguyễn Khắc D1, bị đơn cư trú tại địa phận thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều

227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông D1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã P, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước vào ngày 27/12/2010, do đó đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn cũng như tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được, xét thấy trong quá trình chung sống giữa bà D và ông D1 có xảy ra mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ hai phía nhưng vợ chồng không ngồi lại tìm cách giải quyết mâu thuẫn mà chọn sống riêng, không có sự quan tâm, chăm sóc cho nhau, từ đó mục đích hôn nhân không đạt được. Bản thân ông D1 mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng không vì mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng, không có thiện chí khắc phục những thiếu sót dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, trong khi bà D vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn vì cho rằng về sống chung thì mâu thuẫn tiếp tục xảy ra sẽ gây ảnh hưởng đến tâm lý các con. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D.

[4] Về con chung: Bà D và ông D1 thống nhất có hai con chung là Nguyễn Anh L – sinh ngày 07/6/2004 và Nguyễn Minh V, sinh ngày 22/10/2011.

Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V sau ly hôn của bà D phù hợp với thực tế từ cuối năm 2024 đến nay cháu V do bà D nuôi dưỡng vẫn đảm bảo phát triển mọi mặt và các quyền lợi hợp pháp của con chưa thành niên và phù hợp với nguyện vọng của cháu V nên cần chấp nhận. Do đó, không chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V sau ly hôn của ông D1.

Ông D1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Bà D và ông D1 thống nhất không yêu cầu giải quyết đối với cháu L, do cháu đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; các điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Ngọc D ly hôn với ông Nguyễn Khắc D1.

2. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Minh V – sinh ngày 22/10/2011 cho bà Nguyễn Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Khắc D1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Ngọc D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình không có giá ngạch, trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003378 ngày 16 tháng 01 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án (06/6/2025).

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- Chi cục THADS thị xã Phước Long;
- UBND xã P, Tx. Phước Long,
- T. Bình Phước (Số 70 ngày 27/10/2010);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án (09).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Bích Vân